

Bản án số: 193/2023/DS-ST
Ngày: 12-9-2023
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Bà Nguyễn Thị Lý
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:**
Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2023/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-DS ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2023/QĐST-DS ngày 21/8/2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam J; Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72-74 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông TN, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Tuyết A - Sinh năm: 1996.

Bà Nguyễn Thị Phương T - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ liên hệ: Số 145 đường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 100/2023/UQ-LM-CÔNG TY J ngày 11/4/2023) (Bà Thúy có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 57 đường Nhơn Hòa 11, tổ 70, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam J (Sau đây gọi tắt là Công ty J), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Ngày 25/12/2021, bà Nguyễn Thị Kim C có ký với Công ty J hợp đồng tín dụng số 930460002300979000 để vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng, mục đích vay: mua sản phẩm nội thất, gia dụng, lãi suất 2.57%/tháng, mỗi tháng bà C phải thanh toán cho Công ty J số tiền là 2.829.305 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 24/01/2022. Sau khi Công ty J giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho bà C thì từ ngày 26/01/2022 đến 22/09/2022 bà C thanh toán cho Công ty J số tiền là 25.463.745 đồng, trong đó: nợ gốc: 15.595.021 đồng, lãi: 9.760.724 đồng, phí quản lý khoản vay: 108.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 22/09/2022, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3, Điều 8 của hợp đồng tín dụng số 930460002300979000 ngày 25/12/2021, đồng thời cũng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân Sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty J. Mặc dù, Công ty J đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để bà C trả nợ, tuy nhiên bà C vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty J đã khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim C, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho Công ty J tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2023 là 40.414.135 đồng; trong đó: nợ gốc là 34.404.979 đồng, lãi trong hạn là 5.523.273 đồng, lãi quá hạn 401.883 đồng, phí quản lý khoản vay là 84.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho Công ty J tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 46.412.269 đồng; trong đó: nợ gốc là 34.404.979 đồng, lãi trong hạn là 10.319.798 đồng, lãi quá hạn 1.543.492 đồng, phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng. Bà C phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày 13/9/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C: Mặc dù bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Kim C vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023 thì nguyên đơn Công ty J yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 930460002300979000 ngày 25/12/2021 với mục đích vay là vay để mua xe máy. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố

tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: Số 57 đường Nhơn Hòa 11, tổ 70, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Công ty J và bà Nguyễn Thị Kim C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim C .

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: hợp đồng tín dụng số 930460002300979000 ngày 25/12/2021, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn ngày 25/12/2021 và Giấy nhận nợ; HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 25/12/2021, giữa bà C và Công ty J có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 50.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc bà C thanh toán cho Công ty J tổng số tiền 46.412.269 đồng; trong đó: nợ gốc là 34.404.979 đồng, lãi trong hạn là 10.319.798 đồng, lãi quá hạn 1.543.492 đồng, phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng (tính đến ngày 12/9/2023) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 13/9/2023 cho đến khi thanh toán xong. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như trên thì bà C đã sử dụng khoản tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty J . Mặc dù Công ty Công ty J đã nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C vẫn không thanh toán. Như vậy, bà C đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty J . Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty J đối với bà C là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng số 930460002300979000 ngày 25/12/2021 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Khoản 4 Điều 13, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 46.412.269 = 2.320.613$ đồng

theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam J về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam J tổng số tiền 46.412.269 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là 34.404.979 đồng, lãi trong hạn là 10.319.798 đồng, lãi quá hạn 1.543.492 đồng, phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng (tính đến ngày 12/9/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.320.613 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm mười ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam J số tiền tạm ứng án phí là 1.010.353 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn ba trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0009473 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền